

Số: /TB-UBND

Kiến Hưng, ngày 02 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường Kiến Hưng (lần 01/2025)

Căn cứ Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ); Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC; Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội về công bố danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ. UBND phường Kiến Hưng công khai kết quả rà soát, tổng hợp TTHC thuộc thẩm quyền của UBND phường đến thời điểm hiện nay như sau:

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, phường theo các Quyết định công bố của UBND thành phố Hà Nội : 173 TTHC
- Tổng số TTHC thực hiện tại UBND phường: 166 TTHC
- Tổng số TTHC không thực hiện tại UBND phường: 07 TTHC

Thông báo này thay thế Thông báo số 300/TB-UBND ngày 15/11/2024 của UBND phường Kiến Hưng về công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường; yêu cầu các cán bộ, công chức, nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND quận Hà Đông;
- Văn phòng HĐND&UBND quận Hà Đông;
- TT Đảng-UBND phường;
- Các cán bộ, công chức;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đặng Trần Đức

**TỔNG HỢP THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KIẾN HƯNG**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 02/01/2025 của UBND phường Kiến Hưng)

| TT theo thẩm quyền | TT đang thực hiện tại 1 cửa | Lĩnh vực | QĐ công bố của TP Hà Nội | Ghi chú |
|--------------------|-----------------------------|--|--------------------------|---------|
| | | | | |
| 15 | I | LĨNH VỰC NỘI VỤ | | |
| | A | LĨNH VỰC TÔN GIÁO | | |
| | 1 | Đăng ký hoạt động tín ngưỡng | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 2 | Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 3 | Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 4 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 5 | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 6 | Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 7 | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 8 | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 9 | Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| | 10 | Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |

| | | | | |
|----------|------------|---|-------------------------|--|
| | B | LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG | | |
| | 11 | Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã theo công trạng | Số 1055 ngày 26/02/2024 | |
| | 12 | Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề | Số 1055 ngày 26/02/2024 | |
| | 13 | Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất | Số 1055 ngày 26/02/2024 | |
| | 14 | Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho hộ gia đình | Số 1055 ngày 26/02/2024 | |
| | 15 | Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | Số 4189 ngày 14/8/2024 | |
| 5 | II | LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO | | |
| | 1 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học | Số 492 ngày 07/02/2022 | |
| | 2 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | Số 492 ngày 07/02/2022 | |
| | 3 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại | Số 492 ngày 07/02/2022 | |
| | 4 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | Số 492 ngày 07/02/2022 | |
| | 5 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | Số 492 ngày 07/02/2022 | |
| 7 | III | LĨNH VỰC THANH TRA | | |
| | 1 | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã | Số 2316 ngày 03/5/2024 | |
| | 2 | Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã | Số 2316 ngày 03/5/2024 | |
| | 3 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã | Số 2316 ngày 03/5/2024 | |
| | 4 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã | Số 2316 ngày 03/5/2024 | |
| | 5 | Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập | Số 3662 ngày 22/7/2021 | |
| | 6 | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình | Số 3662 ngày 22/7/2021 | |
| | 7 | Thủ tục thực hiện việc giải trình | Số 3662 ngày 22/7/2021 | |

| | | | | |
|-----------|-----------|--|----------------------------|---|
| 2 | IV | LĨNH VỰC Y TẾ - DÂN SỐ | | |
| | 1 | Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ | Số 2149 ngày 12/4/2023 | |
| | 2 | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số | Số 2149 ngày 12/4/2023 | |
| 53 | V | LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH & XÃ HỘI | | |
| | A | LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG | | |
| | 1 | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Số 5341 ngày 20/10/2023 | LT: Phường - Quận -Sở LĐ |
| | 2 | Cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" (đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 23, Pháp lệnh ưu đãi Người có công đang sinh sống tại gia đình) | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ - TP - TW |
| | 3 | Cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31/12/1994 trở về trước | Số 5341 ngày 20/10/2023 | LT: Phường - Sở LĐ - TP - TW |
| | 4 | Cấp đổi "Bằng Tổ quốc ghi công" | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Sở LĐ - TW |
| | 5 | Cấp lại "Bằng Tổ quốc ghi công" | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ - TW |
| | 6 | Cấp "Bằng Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ - TP - TW |
| | 7 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ - TP - TW |
| | 8 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| | 9 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |

| | | | |
|----|--|-------------------------|--|
| 10 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận |
| 11 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an | Số 5341 ngày 20/10/2023 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| 12 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý (TTHC cấp thành phố) | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận - Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (QĐ 1518 ngày 19/12/2023) |
| 13 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại Giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và Giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Sở LĐ |
| 14 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng | Số 5341 ngày 20/10/2023 | LT: Phường - CQ công nhận - Sở LĐ |
| 15 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| 16 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| 17 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| 18 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | Số 5341 ngày 20/10/2023 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| 19 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | Số 5341 ngày 20/10/2023 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ |
| 20 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (trường hợp HS người có công không do quân đội, công an quản lý) | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận |
| 21 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (trợ cấp một lần/ trợ cấp mai táng/trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng) | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận |
| 22 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ | Số 2184 ngày 24/6/2022 | LT: Phường - Quận- Sở LĐ |
| 23 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận |

| | | | |
|----------|--|-------------------------|---|
| 24 | Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (thuộc thẩm quyền UBND quận) | Số 1039 ngày 26/02/2024 | LT: Phường - Quận |
| 25 | Thăm viếng mộ liệt sĩ | Số 1039 ngày 26/02/2024 | Số 1196/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND quận ủy quyền từ quận về phường |
| 26 | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công | Số 2184 ngày 24/6/2022 | |
| 27 | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ) | Số 6468 ngày 19/12/2023 | LT: Phường - Quận - Sở NV - Sở LĐTBXH |
| 28 | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ) | Số 6468 ngày 19/12/2023 | LT: Phường - Quận - Sở NV - Sở LĐTBXH |
| B | LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI - GIẢM NGHÈO | | |
| 29 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | Số 3801 ngày 04/8/2021 | LT: Phường - Quận - Sở LĐ/Phường - Quận |
| 30 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng Bảo trợ xã hội | Số 3801 ngày 04/8/2021 | LT: Phường - Quận |
| 31 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở | Số 3801 ngày 04/8/2021 | |
| 32 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm | Số 2294 ngày 18/4/2023 | |
| 33 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm | Số 2294 ngày 18/4/2023 | |
| 34 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm | Số 2294 ngày 18/4/2023 | |
| 35 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình | Số 2294 ngày 18/4/2023 | |
| 36 | Thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | Số 1977 ngày 04/4/2023 | LT: Phường - Quận |

| | | | |
|----------|--|-------------------------|---|
| 37 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn | Số 6395 ngày 23/11/2018 | |
| 38 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật | Số 1402 ngày 13/3/2024 | |
| 39 | Cấp đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật | Số 1402 ngày 13/3/2024 | |
| 40 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | Số 3801 ngày 04/8/2021 | LT: Phường - Quận |
| 41 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Số 3801 ngày 04/8/2021 | LT: Phường - Quận |
| 42 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp | Số 3801 ngày 04/8/2021 | LT: Phường - Quận |
| C | LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ QUAN HỆ LAO ĐỘNG | | |
| 43 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia | Số 1200 ngày 08/4/2022 | LT: Phường - Quận |
| 44 | Hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp hoặc cao đẳng, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động bị thu hồi đất | Số 1039 ngày 26/02/2024 | Số 1196/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND quận ủy quyền từ quận về phường |
| D | LĨNH VỰC BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM | | |
| 45 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | Số 6395 ngày 23/11/2018 | |
| 46 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | Số 6395 ngày 23/11/2018 | |
| 47 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ bị xâm hại có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | Số 3801 ngày 04/8/2021 | |
| 48 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | Số 6395 ngày 23/11/2018 | |

| | | | | |
|-----------|-----------|---|-------------------------|--|
| | 49 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | Số 6395 ngày 23/11/2018 | |
| | 50 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế | Số 6395 ngày 23/11/2018 | |
| | E | LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI | | |
| | 51 | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện | Số 3089 ngày 26/8/2022 | |
| | G | LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP | | |
| | 52 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | Số 1039 ngày 26/02/2024 | Số 1196/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND quận ủy quyền từ quận về phường |
| | 51 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân | Số 1039 ngày 26/02/2024 | Số 7591/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND quận ủy quyền từ quận về phường |
| 40 | VI | LĨNH VỰC TƯ PHÁP | | |
| | VI | LĨNH VỰC HỘ TỊCH | | |
| | 1 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 2 | Đăng ký khai sinh | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 3 | Đăng ký kết hôn | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 4 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 5 | Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 6 | Đăng ký khai tử | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 7 | Đăng ký khai sinh lưu động | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 8 | Đăng ký kết hôn lưu động | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 9 | Đăng ký khai tử lưu động | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 10 | Đăng ký giám hộ | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |

| | | | | |
|--|----------|---|---------------------------|--|
| | 11 | Đăng ký chấm dứt giám hộ | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 12 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 13 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 14 | Đăng ký lại khai sinh | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 15 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 16 | Đăng ký lại kết hôn | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | 17 | Đăng ký lại khai tử | Số 3658 ngày 15/7/2024 | |
| | B | LĨNH VỰC CHỨNG THỰC | | |
| | 18 | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 19 | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 20 | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 21 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 22 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 23 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 24 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 25 | Chứng thực di chúc | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 26 | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 27 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 28 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | C | LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI | | |

| | | | | |
|----------|------------|---|----------------------------|-------------------------|
| | 29 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước | Số 6144 ngày 01/12/2023 | |
| | 30 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | Số 6144 ngày 01/12/2023 | |
| | D | LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC | | |
| | 31 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | E | LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT | | |
| | 32 | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 33 | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | F | LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ | | |
| | 34 | Công nhận hòa giải viên | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 35 | Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 36 | Thôi làm hòa giải viên | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | 37 | Thanh toán thù lao cho hòa giải viên | Số 3109 ngày 06/6/2023 | |
| | G | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG | | |
| | 38 | Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | Số 3109 ngày 06/6/2023 | LT: Phường - Quận |
| | 39 | Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi | Số 3211 ngày 21/6/2024 | LT: Phường - CA - BHXHQ |
| | 40 | Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất | Số 3211 ngày 21/6/2024 | LT: Phường - CA - BHXHQ |
| 7 | VII | LĨNH VỰC VĂN HÓA & THÔNG TIN | | |
| | 1 | Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |
| | 2 | Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |
| | 3 | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |

| | | | | |
|-----------|-------------|---|----------------------------|---|
| | 4 | Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |
| | 5 | Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |
| | 6 | Cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |
| | 7 | Hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc | Số 1348 ngày 11/3/2024 | |
| 21 | VIII | LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI - ĐÔ THỊ - MÔI TRƯỜNG | | |
| | A | LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI | | |
| | 1 | Hòa giải tranh chấp đất đai | Số 5630 ngày 28/10/2024 | |
| | 2 | Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai (Thẩm quyền giải quyết của Sở (Thẩm quyền giải quyết của Sở TNMT)) | Số 5630 ngày 28/10/2024 | Nộp HS tại Văn phòng ĐKDD hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc UBND phường |
| | 3 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất (Thẩm quyền giải quyết của Sở TNMT) | Số 5630 ngày 28/10/2024 | Nộp HS tại Văn phòng ĐKDD hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc UBND phường |
| | 4 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (Thẩm quyền giải quyết của Quận) | Số 5630 ngày 28/10/2024 | Nộp HS tại UBND nơi có đất |

| | | | | |
|--|----------|---|-------------------------|---|
| | 5 | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở (Thẩm quyền giải quyết của Quận) | Số 5630 ngày 28/10/2024 | Nộp HS tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC UBND phường |
| | B | LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG | | |
| | 6 | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường | Số 1040 ngày 25/3/2022 | |
| | 7 | Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích | Số 3969 ngày 08/8/2023 | |
| | C | LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC | | |
| | 8 | Đăng ký khai thác nước dưới đất (Thẩm quyền giải quyết của Quận) | Số 2181 ngày 12/4/2023 | Nộp HS tại UBND phường hoặc UBND quận |
| | 9 | Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do UBND cấp huyện tổ chức lấy ý kiến đối với các dự án đầu tư có/ không có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh | Số 2181 ngày 12/4/2023 | LT: Phường- Quận-Sở TNMT (nộp HS tại UBND quận và phòng TNMT) |
| | 10 | Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển | Số 2853 ngày 23/5/2023 | |
| | D | LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA | | |
| | 11 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 12 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |

| | | | | |
|-----------|-----------|---|-------------------------|---|
| | 13 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 14 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 15 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 16 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 17 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 18 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 19 | Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | Số 7130 ngày 17/12/2019 | |
| | 20 | Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung | Số 7130 ngày 17/12/2019 | Không thực hiện do Địa bàn phường không có ĐTNĐ, vùng nước cảng, bến thủy nội địa |
| | E | LĨNH VỰC NHÀ Ở | | |
| | 21 | Thủ tục Công nhận Ban quản trị | Số 6376 ngày 11/12/2024 | Quận UQ cho UBND phường tại QĐ số 4905 ngày 07/12/2024 |
| 11 | IX | LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | | |
| | A | LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI | | |
| | 1 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu | Số 5477 ngày 18/10/2024 | Không thực hiện theo Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 |
| | 2 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh | Số 5477 ngày 18/10/2024 | |

| | | | | |
|----------|----------|---|-------------------------|--|
| | 3 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai | Số 5477 ngày 18/10/2024 | |
| | 4 | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội | Số 5477 ngày 18/10/2024 | LT: Phường - Quận |
| | 5 | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội | Số 5477 ngày 18/10/2024 | LT: Phường - Quận - TP |
| | 6 | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp | Số 394 ngày 20/01/2020 | |
| | B | LĨNH VỰC THỦY LỢI | | |
| | 7 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện | Số 5477 ngày 18/10/2024 | |
| | 8 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền UBND cấp xã | Số 5477 ngày 18/10/2024 | Niêm yết - Không thực hiện do trên địa bàn phường không có đập, hồ chứa thủy lợi |
| | 9 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND cấp xã | Số 5477 ngày 18/10/2024 | |
| | C | LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT | | |
| | 10 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa | Số 4527 ngày 21/10/2021 | |
| | D | LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP | | |
| | 11 | Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư | Số 4129 ngày 12/8/2024 | Niêm yết - Không thực hiện do trên địa bàn phường không có rừng |
| 2 | X | LĨNH VỰC DÂN TỘC | | |
| | 1 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | Số 241 ngày 12/01/2024 | Không thực hiện do trên địa bàn phường không có vùng đồng bào dân tộc thiểu số |

| | | | | |
|-----------|-----------|--|-------------------------|--|
| | 2 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | Số 241 ngày 12/01/2024 | |
| 10 | XI | LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG | | |
| | 1 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 2 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 3 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 4 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 5 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 6 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 7 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 8 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 9 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | Số 2804, ngày 19/5/2023 | |
| | 10 | Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên | Số 4182 ngày 14/8/2024 | |